

ĐẠI TỪ (P4)

Đại từ bất định - All, each, every, both, neither, either, some, any, no, none

I. Tóm tắt bài giảng

11. Both

Both có nghĩa là: cả hai, nó dùng với động từ ở số nhiều.

both có thể được dùng một mình hay theo sau nó là một danh từ.

Ví dụ: Both students are clever.

hay bởi (of) + the / these/ those hay các sở hữu:

Ví dụ: both of the students are clever.

hay bởi of + us/ you/ them:

Ví dụ: Both of us knew him (Cả hai chúng tôi biết hắn)

Đại từ nhân xưng + both cũng có thể dùng được:

Ví dụ: We both knew him. (Cả hai chúng tôi biết hắn)

both ... and... (vừa ... vừa)

Ví dụ: Both the teacher and her student like Chelsea.

It was both cold and wet. (Trời vừa lạnh vừa ẩm ướt)

He is both an actor and a director. (Anh ta vừa là diễn viên vừa là đạo diễn)

He both acts and directs (Anh ta vừa diễn xuất vừa chỉ đạo)

12 & 13. Each (tính từ và đại từ) và every (tính từ)

each / every + danh từ đếm được số ít + động từ chia số ít

Ví dụ: Each student needs to have a notebook.

Every student needs to have a notebook.

Each of the students needs to have a notebook.

Lưu ý: Each có thể đi sau danh từ

The students each need to have a notebook.

Lưu ý:

- Everyone = Everybody (động từ chia số ít): mọi người

- All people = All the people (động từ chia số nhiều)

14. All

All + danh từ số nhiều + động từ chia số nhiều (All là tính từ)

All of the + danh từ số nhiều + động từ chia số nhiều (All là đại từ)

All of + đại từ nhân xưng: All of us = We all, All of you = you all

Ví dụ:

We all like apples = All of us like apples.

All of us are ready = We are all ready.

We are all waiting for you.

15 & 16. Either & Neither: có thể dùng như tính từ, đại từ hoặc trạng từ

Either: cả hai; Neither: cả 2 đều không

Ví dụ: - Trees grow on either side of the street = Trees grow on both side of the street (cây mọc hai bên đường)

- Either shirt is OK : cái áo sơ mi nào cũng được (nghĩa là cái này hay cái kia đều được)

I like neither of them: tôi không thích người nào cả (trong số hai người)

Neither student is good at maths.

Cấu trúc hay dùng: Either / Neither + of + the + Danh từ + động từ chia số ít

Either of the students doesn't understand my lesson. (Một trong số 2 học sinh đó không hiểu bài giảng của tôi)

Neither of the students understands my lesson. (Không ai trong số hai học sinh đó hiểu bài giảng của tôi)

Cấu trúc:

Either.....or

Neither.....nor

He didn't either phone or write to me. (Anh ấy không gọi điện cũng không viết thư cho tôi)

I bought a very expensive house but it is neither large nor bright. (Ngôi nhà không rộng mà cũng không sáng.)

Nhắc lại: Either + S1 + or + S2, Neither + S1 + nor + S2, not only +S1 + but also +S2 , động từ chia theo chủ ngữ gần động từ đó nhất (S2)

17 & 18. Most, most of, almost, mostly

Most + danh từ đếm được số nhiều + động từ số nhiều

Most students are afraid of history.

Most of the students are afraid of history.

Lưu ý : most students là hầu hết mọi học sinh (trên thế giới)

most of the students: hầu hết các học sinh đó (đã xác định) phạm vi hẹp hơn most students.

Almost: hầu hết, gần như + adj

Almost: suýt nữa + verb

Ví dụ: Dinner is almost ready. (*Cơm tối gần như xong*)

He fell from the tree and almost broke his leg.

Nếu muốn dùng almost với danh từ thì phải có every, all...

Almost + every + danh từ đếm được số ít, động từ chia số ít.

Almost + all of the + danh từ đếm được số nhiều, động từ chia số nhiều.

- Almost every student is afraid of history.

- Almost all of the students are afraid of history.

ta có thể dùng almost everyone + động từ chia số ít

19. Mostly (adv): là trạng từ của từ most, đứng trước động từ

- We mostly go out on Sunday. (Chúng tôi thường đi chơi vào Chủ nhật)

- We lost the game mostly because the goal keeper was injured. (Chúng tôi thua trận đấu đó chủ yếu là bởi vì thủ môn bị chấn thương.)

20. Few / A few / Little / A little

* **FEW** : là tính từ đi với danh từ đếm được số nhiều, mang nghĩa tiêu cực là rất ít, hầu như không.

Ví dụ : - **Few** people live to be 100 years old. (Rất ít người sống tới 100 tuổi)

- There are **few** accidents this year.

- There are fewer accidents this year. (Năm nay ít tai nạn hơn)

* **A FEW** : là tính từ đi với danh từ đếm được số nhiều, và là Đại từ, nghĩa tích cực.

Ví dụ : - I have read **a few books** written by Charles Dickens. (Tính từ).

- His ideas are very difficult, but **a few students** understand. (Tính từ)

- Many people went there but a few survived. (Đại từ)

- I knew a few of his friends. (Nhưng ta hay dùng: I knew some of his friends.)

- I recognized **a few** of the guests to my father's birthday party. (Đại từ)

* **LITTLE** : vừa là Tính từ, vừa là Trạng từ, mang nghĩa tiêu cực là rất ít hầu như không. Dùng với danh từ không đếm được và động từ chia số ít.

Ví dụ : - We just have **little time** before the train leaves, so we can't go for a drink. (chỉ có 2 hay 3 phút không thể đi uống nước được)

- He knows **little** about science. (Nó hầu như không biết gì về khoa học)

* **A LITTLE** : là Tính từ đi với danh từ không đếm được, và là Trạng từ, nghĩa xác định.

Ví dụ : - We have **a little time** before the train leave. Let' s go for a drink. (Còn 15 hay 20 phút, dù ít nhưng có thể đi uống nước được)

- There was a lot of food, but I only ate **a little**. (Đồ ăn nhiều, nhưng tôi chỉ ăn một ít)

II. Tài liệu đọc thêm

1. ALL : vừa là tính từ, đại từ và trạng từ.

* Khi là Tính từ, ALL đứng trước danh từ số ít hoặc số nhiều và danh từ không đếm được,

có hoặc không có mạo từ THE theo sau.

Thí dụ : - **All men** are mortal. (Mọi người đều phải chết)

- **All the students** are present today.

- He was sleeping **all the day**.

* Theo sau ALL có thể là một mệnh đề quan hệ.

Thí dụ : - Thiefs had taken **all that I have**. (Bọn trộm đã lấy hết tất cả những gì mà tôi có)

* Khi là Đại từ, ALL đứng sau chủ từ và túc từ. và sau "to be".

Thí dụ : - They all sat around the table.

- We know them all.

- His friends are all here.

* All là Trạng từ trong các thành ngữ :

- All of a sudden (Thình lình), All at once (Ngay lập tức), Not at all (Không có chi).

2. Else đặt sau someone/ anybody/ nothing v.v....

A. Someone/ somebody/ something/ anyone/ anybody/ anything/ no one/ nobody/nothing/everyone/ everybody/ everything và những trạng từ somewhere, anywhere, nowhere, everywhere có thể theo sau bởi else (khác)

Someone else/ somebody else = Some other person (người nào khác)

anyone else/ anybody else = any other person (bất cứ người nào khác)

No one else/ nobody else = every other person (mọi người khác)

Something else = some other thing (điều gì khác)

I'm afraid I can't help you. You'll have to ask someone else. There isn't anyone else/ There's no one else to ask. (Tôi e rằng không thể giúp bạn được. Bạn sẽ phải nhờ người khác. Không có ai để nhờ cả) else dùng với các trạng từ

Somewhere else = in / at/ to some other place (nơi nào khác)

Anywhere else = in/ at/ to any other place (bất cứ nơi nào khác)

nowhere else = in/ at/ to no other place (không nơi nào khác)

Are you going anywhere else? (Bạn định đi nơi nào khác phải không?)

B. Someone/ somebody/ anyone/ anybody/ no one/ nobody else có thể là sở hữu

I took someone else's coat. (Tôi đã lấy áo khoác của người nào rồi)

Was anyone else's luggage opened? (Có hành lý của ai khác đã bị mở không?)

No one else's luggage was opened. (Không có hành lý của ai khác đã bị mở)

III. Bài về nhà

Bài 1: Dùng either, neither, both để hoàn thành các câu sau:

1. We can stay at _____ hotel. They _____ give good service.

2. _____ these teeth are aching.

3. They _____ live in Danang.

4. The match ended in a draw. _____ team won.

5. I haven't been to _____ country.

6. Which way is it to the railway station ?

- You can go _____ way.

7. They didn't work hard. _____ student passed the exam.

8. After the ninth round of the match, _____ boxers were tired out.

9. _____ student had done their homework. Both were punished by the teacher.

10. I don't like the colour of _____ shirt.

11. _____ my children are at school.

Bài 2. Hãy viết lại các câu dưới đây bằng cách dùng liên từ trong ngoặc.

Ex: He enjoys collecting stamps **AND** old china (**BOTH...AND...**)

=> He enjoys collecting **BOTH** stamps **AND** old china.

1. Fred likes helping his friends. So does Linda. (both...and)

~~✗~~

2. Harry used to date Ann. Or was it Helen? (either...or)

~~✗~~

3. We should learn to accept our weaknesses and our strengths. (not only...but also)

~~✗~~

4. He never listens to or advises his friends when they have a problem. (**neither...nor**)

~~✗~~

5. I've betrayed your trust. I've betrayed your love for me. (not only...but also)

~~✗~~

6. He felt disappointed. He felt misunderstood. (both...and)

~~✗~~

7. Brian isn't very considerate. Neither is Tom. (**neither...nor**)

~~✗~~

8. A true friend is someone who is caring and loving. (both...and)

~~✗~~

9. Rachel should apologise or leave. (either...or)

~~✗~~

10. Richard and John didn't keep her secret. (neither...nor)

~~✗~~

Bài 3. Choose the best option

1. I'm going to bed early tonight. I'm too tired; I can't watch movie on TV. - ____ can I.

A. Either

B. Not

C. So

D. Neither

2. I left it ____ on the table ____ in the drawer.
A. either – nor B. neither – or C. either – or D. either – either
3. ____ the radio ____ the television works properly.
A. Neither – nor B. Neither – or C. Either – nor D. Not – nor
4. He ____ could not come ____ did not want to.
A. either – or B. neither – or C. either – nor D. nor – nor
5. The hotel is neither spacious ____.
A. or comfortable B. nor comfortable C. or comfort D. nor comfort
6. Not ____ did she refuse to speak to him, but she also vowed never to see him again.
A. even B. only C. at all D. always
7. He neither drank ____ smoked so he had good health.
A. nor B. or C. but D. also
8. Neither the TV nor the video sets ____ properly.
A. works B. work C. has worked D. is working

Đáp án**Bài 1.**

1. either , both 2. Both 3. both 4. Neither 5. either 6. either
7. Neither 8. both 9. Neither 10. either 11. both

Bài 2

- ~~1.~~ 1. Both Fred and Linda like helping their friends.
~~2.~~ 2. Harry used to date either Ann or Helen.
~~3.~~ 3. We should learn to accept not only our weaknesses but also our strengths.
~~4.~~ 4. He neither listens to nor advises his friends when they have a problem.
~~5.~~ 5. I've betrayed not only your trust but also your love for me.
~~6.~~ 6. He felt both disappointed and misunderstood.
~~7.~~ 7. Neither Brian nor Tom is very considerate.
~~8.~~ 8. A true friend is someone who is both caring and loving.
~~9.~~ 9. Rachel should either apologise or leave.
~~10.~~ 10. Neither Richard nor John kept her secret.

Bài 3. 1D 2C 3A 4A 5B 6B 7A 8B